TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2021/QĐST-KDTM	*Cẩm Giàng, ngày 26 tháng 9 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2021 và văn bản chấp nhận nội dung hòa giải tại Tòa án của đương sự vắng mặt tại buổi hòa giải (nhận ngày 18/9/2021) về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 07/2021/TLST-KDTM ngày 15 tháng 7 năm 2021.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành và văn bản chấp nhận nội dung hòa giải tại Tòa án của đương sự vắng mặt tại buổi hòa giải (nhận ngày 18/9/2021) về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành và ngày Tòa án nhận được các văn bản chấp nhận nội dung hòa giải của đương sự vắng mặt tại buổi hòa giải (ngày 18/9/2021), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S(S).

Trụ sở chính: Số 266-268, đường N, phường 8, quận 3, TPH.

Người đại diện theo pháp luật: Bà - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người được ủy quyền: Ông T - Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Hưng Yên.

Người được ủy quyền lại: Ông TD - Chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro.

* Bị đơn: Công ty TNHH H

Trụ sở chính: Thôn ĐG, xã Lưhuyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Đại diện theo pháp luật: Ông V- chức vụ: Giám đốc.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông V1, sinh năm 1951 và bà TD, sinh năm 1955.

Đều có địa chỉ: Thôn Th, xã MĐ, thị xã H, tỉnh Hưng Yên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hợp đồng tín dụng: Công ty TNHH H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S(S) số tiền 731.575.471đồng *(Bảy trăm ba mươi mốt triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn bốn trăm bảy mươi mốt đồng)*, trong đó số tiền nợ gốc là 680.000.000đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 1.342.466đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 50.159.077đồng. Kể từ ngày 13/8/2021, Công ty TNHH H còn tiếp tục phải chịu tiền lãi trên số tiền nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1736100038 ngày 27/12/2017; Thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD1900300078 ngày 03/01/2019; Thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD2001700379 ngày 17/01/2020; Giấy nhận nợ số LD2020500102 ngày 23/7/2020 cho đến khi tất toán khoản vay.

2.2. Về hợp đồng thế chấp bất động sản số 4448 ngày 27/12/2017 giữa Ngân hàng TMCP S(S) với ông V1và bà D.

Ông S1và bà D thế chấp tài sản là quyền sử dụng thửa đất có số thửa 06, tờ bản đồ số 15, diện tích 77m^2, địa chỉ: ThV, MĐ, M, Hưng Yên. Đất đã được UBND huyện M cấp giấy CNQSDĐ số BT127441, số vào số cấp chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00061 ngày 12/02/2015, chủ sử dụng là ông V1và bà D để đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH H nêu trên.

Diện tích đất hiện trạng ông S1và bà D đang sử dụng là 71m^2, có tứ cận như sau: Phía bắc giáp hành lang giao thông đường 5A (vỉa hè) cạnh AB=3,3m; Phía nam giáp đất nhà ông Hợi cạnh DC=3,12m; Phía đông giáp đất nhà ông VL cạnh AHKC= 24,06m; Phía tây giáp đất nhà anh S2 chị B có các cạnh AP=7,40m, PQ=9,56m, QD=5,75m. Trên đất có các tài sản của ông S1và bà D gồm: sân lát gạch, mái tôn, gác xép. (có sơ đồ kèm theo)

Trường hợp Công ty H không thanh toán đầy đủ số tiền 731.575.471đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/8/2021 trên số tiền nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1736100038 ngày 27/12/2017; Thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD1900300078 ngày 03/01/2019; Thỏa

thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD2001700379 ngày 17/01/2020; Giấy nhận nợ số LD2020500102 ngày 23/7/2020 cho đến khi tất toán khoản vay, ông S1và bà D đồng ý bàn giao tài sản (như hiện trạng nêu trên) đảm bảo của khoản vay cho Ngân hàng TMCP S(S) để tự xử lý thu hồi nợ hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đảm bảo của khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP S(S) theo Hợp đồng thế chấp bất động sản đã ký kết nêu trên.

2.3. Ông S1và bà D phải tháo dỡ, di dời các tài sản trên đất trong trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp nêu trên.

2.4. Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo, sau khi thanh toán các khoản nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP S(S) nêu trên và các chi phí khác cho việc xử lý tài sản đảm bảo mà còn dư thì sẽ trả lại cho ông S1và bà D; Nếu không đủ thanh toán khoản nợ thì Công ty TNHH H tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S(S) đến khi tất toán khoản nợ vay.

2.5. Về chi phí thẩm định: Chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc tự chịu toàn bộ chi phí thẩm định tài sản mà nguyên đơn đã tự chi.

2.6. Về án phí: Công ty TNHH H tự nguyện chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 16.631.500đồng.

Miễn cho Công ty TNHH H một phần số tiền án phí là 6.631.500đồng. Công ty TNHH H còn phải thi hành 10.000.000đồng tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP S(S) số tiền tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại đã nộp là 16.580.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000402 ngày 15/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng. (do ông HCHnộp thay)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát Cẩm Giàng;
- CCTHADS Cẩm Giàng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thuý Hằng

THẨM PHÁN

Phạm Thuý Hằng